

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2020/DS-PT  
Ngày 07-7- 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Chí Tâm

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Phước Hội

Ông Sỹ Danh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Ông Nguyễn Văn Tón- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân TPST bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 261/2020/QĐPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Huỳnh TC**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số nhà 14, đường TB, khóm TA, phường AH, TPST, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp : Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 116, đường NTB, khóm TB, phường AH, TPST, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Chị **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 64A đường HBT, khóm 2, phường 3, TPST, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Chị Huỳnh Kim T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Huỳnh TC và Người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 12/3/2019, anh C có cho chị T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (01 tỷ đồng), lãi suất 3%/tháng, thời hạn 20 ngày trả, mục đích vay để trả nợ ngân hàng. Anh C đã giao đủ số tiền 1.000.000.000 đồng cho chị T nhận tại nhà anh C. Việc vay tiền chị T có ký biên nhận nợ. Biên nhận anh C có ghi tên vợ anh C là chị Trần Đàm Diễm P; thực tế chị P không tham gia, không ký tên trong biên nhận. Giao dịch vay tiền chỉ có anh C và chị T. Ngoài số tiền 1.000.000.000 đồng vốn vay, trong biên nhận ngày 12/3/2019 còn ghi nợ tiền lãi lần vay trước số tiền 62.000.000 đồng. Sau khi vay tiền chị T không đóng lãi cũng chưa trả vốn cho anh C.

Nay anh C yêu cầu chị T trả tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền nợ lãi 62.000.000 đồng ghi trong biên nhận anh C xóa bỏ không yêu cầu.

- Bị đơn chị Huỳnh Kim T trình bày:

Chị T thừa nhận có vay số tiền 1.000.000.000 đồng của anh C như anh C trình bày là đúng. Tuy nhiên, về thời gian giao tiền là vào cuối tháng 11/2018 chị T không nhớ ngày, việc giao tiền chia thành 4 lần gồm: lần đầu 300.000.000 đồng; lần thứ hai giao 200.000.000 đồng; lần thứ ba giao 200.000.000 đồng; lần thứ tư giao 300.000.000 đồng. Các lần giao tiền trên đều không có làm biên nhận.

Đến ngày 12/3/2019 mới làm biên nhận chung số tiền 1.000.000.000 đồng. Về lãi vay là 12%/tháng. Từ khi nhận tiền chị T có đóng lãi cho anh C mỗi tháng 120.000.000 đồng, số tiền lãi đã đóng tổng cộng 580.000.000 đồng. Việc đóng lãi chia ra mỗi tháng đóng 3 lần, mỗi lần 40.000.000 đồng. Các lần đóng lãi không có làm biên nhận. Chị T không có chứng cứ về việc có đóng lãi số tiền 580.000.000 đồng cho anh C. Mục đích chị T vay tiền của anh C để cho Công ty Ngân Bảo N vay lại.

Về số tiền 62.000.000 đồng nợ lãi ghi trong biên nhận thì sau đó chị T đã trả 42.000.000 đồng, chỉ còn nợ 20.000.000 đồng. Nay anh C bỏ không yêu cầu phần tiền lãi 62.000.000 đồng này thì chị T cũng đồng ý, không có ý kiến.

Nay chị T không đồng ý trả 1.000.000.000 đồng vốn vay theo yêu cầu của anh C. Chị T chỉ đồng ý trả số tiền vốn 420.000.000 đồng (cộng với số tiền lãi chị T đã đóng cho anh C 580.000.000 đồng) là đã đủ số tiền vốn 1 tỷ đồng của anh C cho chị T vay.

Việc chị T vay tiền của anh C không có chị Trần Đàm Diễm P (là vợ anh C) tham gia nên chị T không có tranh chấp, yêu cầu gì đối với chị Phương.

- Bản án dân sự sơ thẩm số:42/2019/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân TP.SĐ:

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh TC.

Buộc bị đơn chị Huỳnh Kim T trả cho anh Huỳnh TC số tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Kim T nộp 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Huỳnh TC được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.750.000đ theo biên lai số 0009815 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.SĐ.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm chị Huỳnh Kim T kháng cáo bản án sơ thẩm và yêu cầu giải quyết cho chị trả số tiền 420.000.000 đồng trên tổng số tiền 1.000.000.000 đồng và chỉ chịu án phí đối với số tiền 420.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt ông T, chị T tham gia phiên tòa. Chị T giữ yêu cầu kháng cáo và lý do chị đã trả cho anh C xong số tiền lãi 580.000.000 đồng. Ngoài ra không cung cấp thêm chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình.

Ông T đại diện cho anh C trình bày: Anh C đồng ý theo bản án sơ thẩm và không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị T. Anh C, ông T cũng không có cung cấp bổ sung chứng cứ gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án Tòa án cấp

sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh C là đủ căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật; kháng cáo của chị T không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1] *Về thủ tục tố tụng*: Các đương sự thống nhất không có khiếu nại gì đối với thành phần những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Tòa án cấp sơ thẩm qua thu thập chứng cứ xác định theo nội dung biên nhận ngày 12/3/2019 thể hiện và chị Huỳnh Kim T đều thừa nhận có vay số tiền 1.000.000.000 đồng của anh Huỳnh TC theo biên nhận ngày 12/3/2019, đến nay chị T chưa trả tiền vốn cho anh C. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T thừa nhận vay tiền của anh C và nhiều người khác mục đích là để cho vay lại hưởng tiền chênh lệch về lãi suất. Theo chị T trình bày cũng đã có nhận lãi khi cho công ty Ngân Bảo Ngọc vay tiền từ số tiền vay của anh C. Do đó, xét thấy việc chị T có vay tiền 1.000.000.000 đồng của anh C nên phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho anh C là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với việc chị T trình bày việc giao nhận tiền vay chia làm 4 lần, thời gian vào cuối tháng 11/2018 cũng như chị T có đóng lãi cho anh C với lãi suất 12%/tháng (mỗi tháng đóng 120.000.000 đồng), tổng số tiền đã đóng lãi 580.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh về thời gian giao nhận tiền vay cũng như đóng lãi với lãi suất cao cho anh C; trong khi anh C xác định từ khi vay cho đến nay chị T không đóng lãi và cũng chưa trả vốn. Mặc khác, chị T cũng không có chứng cứ chứng minh được việc nhập chung số tiền vay từ tháng 11/2018 trong 4 lần thành số tiền vay 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12/3/2019 như chị T trình bày. Do đó, không có cơ sở xem xét để điều chỉnh lãi.

Đối với số tiền lãi 62.000.000 đồng ghi trong biên nhận, giữa anh C với chị T không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

Anh C chỉ yêu cầu chị T trả vốn 1.000.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Do đó không xem xét giải quyết về tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C; buộc chị T trả cho anh C số tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng.

[4] Sau khi xét xử chị T kháng cáo không đồng ý trả cho anh C số tiền 1.000.000.000 đồng; chỉ đồng ý trả số tiền 420.000.000 đồng. Xét kháng cáo của chị T; đối với số tiền 1.000.000.000 đồng anh C yêu cầu chị T trả được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận với lý do nhận định như trên là đúng quy định pháp luật. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm chị T cũng xác nhận Biên nhận vay số tiền ngày 12/3/2019 là do chị ký tên; số tiền này chị vay nhiều lần cho Công ty Ngân Bảo N vay lại. Chị có đóng lãi nhiều lần số tiền 580.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Việc chuyển tiền qua Ngân hàng vào tháng 01 năm 2019 là trả tiền mua hàng, không yêu cầu giải quyết. Từ sau tháng 03 năm 2019 chị T không còn vay tiền, trả tiền gì khác cho anh C. Ông T đại diện cho anh C xác định: Vấn đề liên quan Công ty Ngân Bảo N thì anh C không biết; anh C không có nhận tiền trả vốn, lãi của chị T nên không đồng ý với kháng cáo của chị T. Do chị T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh yêu cầu, trình bày của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị T.

[5] Do đó Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; việc đề nghị là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên chị T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Kim T.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh TC.

Buộc chị Huỳnh Kim T có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh TC số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Kim T nộp 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Huỳnh TC được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.750.000 đồng theo biên lai số 0009815 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TPSED.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Huỳnh Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004170, ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TPSED, tỉnh Đồng Tháp. Chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án nd TPSED;
- Chi cục THADS TPSED;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Chí Tâm**